**Mẫu 1**
11/2014/TT-BKHCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

## I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Xây dựng cơ sở dữ liệu về phân loại học, phân bố của một số loài côn trùng đặc hữu ở Việt Nam phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững

Mã số: ĐTĐL.CN-65/19

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):* Chương trình 562 – Lĩnh vực Khoa học sự sống

- Khác *(ghi cụ thể)*:

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

1) Làm chủ được các phương pháp phân loại học hiện đại;

2) Xây dựng được bộ dữ liệu chuẩn hóa về phân loại học (hình thái, sinh học phân tử), phân bố của các loài côn trùng (Insecta) đặc hữu ở Việt Nam;

3) Góp phần để Việt Nam tham gia Sáng kiến phân loại học toàn cầu của Công ước đa dạng sinh học (GTI-CBD) và trong vai trò là thành viên GBIF.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

5. Tổng kinh phí thực hiện: 6.200 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 6.200 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 12/2019

Kết thúc: 11/2022

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*: 2/2024.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

| Số TT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | Cơ quan công tác |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Vịnh | PGS.TS. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 2 | Trần Anh Đức | PGS.TS. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 3 | Nguyễn Quang Huy | PGS.TS. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 4 | Nguyễn Văn Quảng | PGS.TS. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 5 | Nguyễn Văn Sáng | TS. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 6 | Bùi Thanh Vân | TS. | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 7 | Phạm Thị Nhị | TS. | Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật |
| 8 | Vũ Văn Liên | PGS.TS. | Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam |
| 9 | Nguyễn Văn Hiếu | TS. | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 |
| 10 | Trần Thanh Lâm | ThS. | Viện Khoa học Môi trường và Biến đổi Khí hậu |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

| Số TT | Tên sản phẩm | Số lượng | | | Khối lượng | | | Chất lượng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Bộ mẫu tiêu bản của 200 loài côn trùng đặc hữu của Việt Nam. | | X | | | X | | | X | |
| 2 | Danh lục (kèm theo bộ ảnh màu) của 200 loài côn trùng đặc hữu ở Việt Nam. | | X | | | X | | | X | |
| 3 | Bộ dữ liệu chuẩn hóa về hình thái, sinh học phân tử (mã vạch ADN) phân bố của 200 loài côn trùng đặc hữu ở Việt Nam đã ghi nhận được khi thực hiện đề tài. Phần mềm cơ sở dữ liệu phù hợpvới cơ sở dữ liệu GBIF. | | X | | | X | | | X | |
| 4 | Báo cáo đề xuất các biện pháp bảo tồn, khai thác hợp lý những loài côn trùng đặc hữu | | X | | | X | | | X | |

| Số TT | Tên sản phẩm | Số lượng | | | Khối lượng | | | Chất lượng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| | phục vụ phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững. | | | | | | | | | |
| 5 | Báo cáo thử nghiệm sử dụng cơ sở dữ liệu của một đơn vị về quản lý bảo tồn. | | X | | | X | | | X | |
| 6 | Bài báo quốc tế | X | | | X | | | X | | |
| 7 | Bài báo trong tạp chí khoa học quốc gia | X | | | X | | | X | | |
| | Đào tạo Thạc sỹ | X | | | X | | | X | | |
| | Hỗ trợ đào tạo tiến sỹ | X | | | X | | | X | | |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

| Số TT | Tên sản phẩm | Thời gian dự kiến ứng dụng | Cơ quan dự kiến ứng dụng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

| Số TT | Tên sản phẩm | Thời gian ứng dụng | Tên cơ quan ứng dụng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Xác lập được danh lục 200 loài đặc hữu với các đặc điểm về hình thái, phân bố và barcode có hệ thống ở Việt Nam. Lần đầu tiên cập nhật đầy đủ các thông tin về phân bố và dữ liệu barcode của 200 loài côn trùng đặc hữu của Việt Nam trên trang cơ sở dữ liệu GBIF.

Kết quả của đề tài có giá trị cao về khoa học và thực tiễn trong nghiên cứu côn trùng học

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

- Sản phẩm của đề tài là cơ sở khoa học góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; Giúp định loại nhanh các loài côn trùng đặc hữu và góp phần giảm kinh phí giám định.

3.2. Hiệu quả xã hội

Giúp các nhà quản lý, hoạch định chính sách có cơ sở khoa học đề có kế hoạch bảo tồn hiệu quả loài côn trùng. Đề xuất giải pháp bảo tồn đặc hữu trong phát triển bền vững

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu √ vào ô tương ứng)*:

- *Nộp hồ sơ đúng hạn* ☒
- *Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* ☐
- *Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* ☐

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- *Xuất sắc* ☐
- *Đạt* ☒
- *Không đạt* ☐

Giải thích lý do: Các kết quả thu được đảm bảo tính khoa học và có độ tin cậy, số liệu có bởi các phương pháp nghiên cứu và hoá chất, nguyên vật liệu đặc chủng phù hợp với các nghiên cứu trong lĩnh vực sinh học phân tử; các sản phẩm vượt trội chưa quá nhiều; một số điểm cần chỉnh sửa bổ sung.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

| | |
|---|---|
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**<br>(*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*) | **THỦ TRƯỞNG**<br>**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**<br>(*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |
| **PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh** | **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**<br>ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN<br>**PGS. TS. Trần Quốc Bình** |